Trần Đăng Hiếu – 64CNTT3

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Cache size** | **Comp** | **Wave** | **Swm** | **Ucomp** |
| 8 | 23.257% | 29.093% | 26.085% | 22.466% |
| 16 | 21.355% | 26.875% | 23.875% | 20.490% |
| 32 | 18.661% | 21.564% | 21.958% | 17.892% |
| 64 | 18.185% | 18.354% | 20.815% | 17.527% |
| 128 | 17.908% | 17.479% | 19.630% | 17.270% |
| 256 | 17.908% | 16.808% | 18.285% | 17.270% |
| 512 | 17.274% | 15.320% | 16.060% | 16.685% |

MSV: 2251061779

1. Dung lượng BN chính: 128Kbytes
2. Miss rate giảm khi kích thước cache tăng. Vì dung lượng lưu trữ tăng, có khả năng lưu trữ nhiều dữ liệu mà chương trình hay quá trình thường xuyên sử dụng, giảm tỉ lệ miss.
3. Kích thước cache rất lớn, miss rate lại ổn định vì kích thước cache lớn vì nó cung cấp một lượng dung lượng lớn để lưu trữ dữ liệu và có đủ dung lượng để lưu trữ nhiều dữ liệu thường xuyên được truy cập và sử dụng thuật toán quản lý cache hiệu quả.

a. Sự khác biệt lớn về tỷ lệ miss rate khi tăng kích thước cache có thể cung cấp thông tin quan trọng về tối ưu hóa cache và cách nó tương tác với mẫu dữ liệu của chương trình.

b. Sự khác biệt về tỷ lệ miss rate khi tăng kích thước cache không nhất thiết phải xảy ra tại cùng một thời điểm.

1. Việc tăng kích thước cache có giúp cải thiện hiệu suất hệ thống.
2. Theo em kích thước cache hợp lý là 8Mbytes.